

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm). Trả lời câu hỏi bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước đáp án **đúng** vào bài làm:

Câu 1. Tập hợp các số vô tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathbb{Z}$. B. $\mathbb{I}$. C. $\mathbb{Q}$. D. $\mathbb{R}$.

Câu 2. Cho tam giác MNP có $MN = MP$ và $\widehat{NMP} = 70^\circ$. Số đo $\widehat{MPN}$ bằng

- A. 140° . B. 55° . C. 70° . D. 110° .

Câu 3. Cho ΔABC vuông tại A . Khẳng định nào dưới đây **sai**?

- A. $\hat{A} = 90^\circ$. B. $\hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$. C. $\hat{B} + \hat{C} = \hat{A}$. D. $\hat{B} + \hat{C} < 90^\circ$.

Câu 4. Cho ΔMNP và ΔHIK có $MN = HI$, $PM = HK$. Cần thêm điều kiện gì để $\Delta MNP = \Delta HIK$ theo trường hợp cạnh - cạnh - cạnh?

- A. $MN = HK$. B. $NP = HI$. C. $MP = IK$. D. $NP = KI$.

Câu 5. ΔABC và ΔDEF có $\hat{A} = \hat{E}$; $\hat{B} = \hat{F}$; $\hat{C} = \hat{D}$; $AB = EF$; $BC = FD$; $AC = ED$. Khi đó ta có:

- A. $\Delta ABC = \Delta DFE$. B. $\Delta ABC = \Delta EFD$. C. $\Delta ABC = \Delta FDE$. D. $\Delta ABC = \Delta DEF$.

Câu 6. Cách viết nào sau đây là đúng

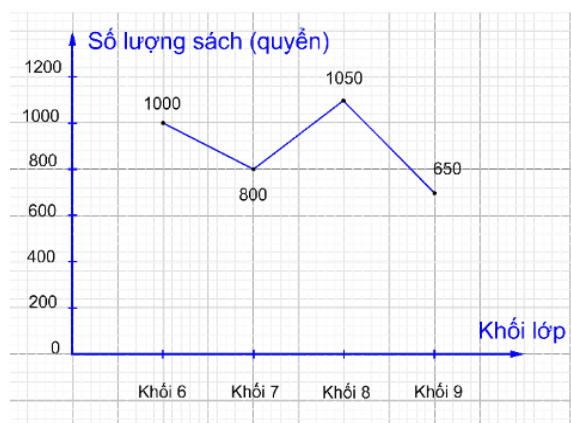
- A. $-|-0,25| = 0,25$. B. $|-0,25| = -0,25$.
C. $|-0,25| = 0,25$. D. $-|-0,25| = -(-0,25)$.

Câu 7. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta số hữu tỉ?

- A. $\frac{-3}{5}$. B. $\frac{1,5}{2}$. C. $-\frac{3}{1,6}$. D. $\frac{5}{0}$.

Câu 8. Biểu đồ bên cho biết số lượng các quyển sách mà các khối lớp đã quyên góp cho tủ sách của một trường học THCS. Các khối lớp có số sách quyên góp không quá 1000 quyển là?

- A. Khối 8 và khối 9.
B. Khối 7 và khối 8.
C. Khối 6 và khối 8.
D. Khối 6; khối 7 và khối 9.



Câu 9. Nếu M thuộc đường trung trực của đoạn thẳng EF thì:

- A. $MF = EF$. B. $ME = MF$. C. $ME = EF$. D. $ME = \frac{1}{2}EF$.

Câu 10. Cho đoạn thẳng MN , đường thẳng d là trung trực của MN thì:

A. d cắt đường thẳng MN .

B. d đi qua trung điểm MN và $d \perp MN$.

C. d đi qua trung điểm của MN .

D. d vuông góc MN .

Câu 11. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-3}{5}$ là

A. $\frac{5}{3}$.

B. $\frac{3}{5}$.

C. $\frac{5}{-3}$.

D. $\frac{3}{-5}$.

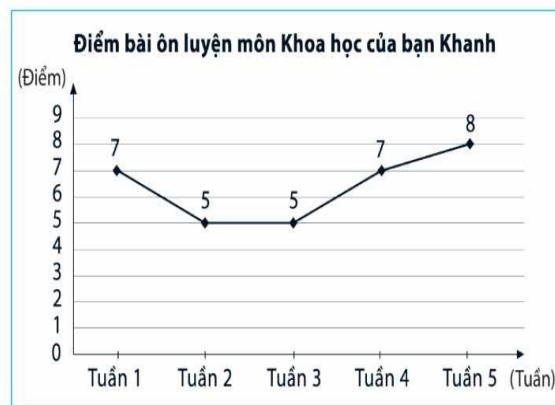
Câu 12. Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn điểm bài ôn luyện môn Khoa học tự nhiên của bạn An qua các tuần 1, tuần 2, tuần 3, tuần 4, tuần 5. Hãy cho biết điểm 7 bạn An đạt được vào tuần nào?

A. Tuần 1 và tuần 4.

B. Tuần 1 và tuần 2.

C. Tuần 2 và tuần 5.

D. Tuần 2 và tuần 4.



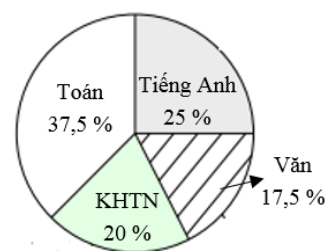
Câu 13. Biểu đồ dưới đây thể hiện tỉ lệ các bạn học sinh khối 7 lựa chọn các môn học yêu thích. Em hãy cho biết môn học nào được các bạn học sinh lựa chọn nhiều nhất?

A. Văn.

B. Toán.

C. Khoa học tự nhiên.

D. Tiếng Anh.



Câu 14. Trong biểu đồ hình quạt tròn, tổng các tỉ lệ phần trăm của các loại phải đúng bằng?

A. 300%.

B. 100%.

C. 200%.

D. 50%.

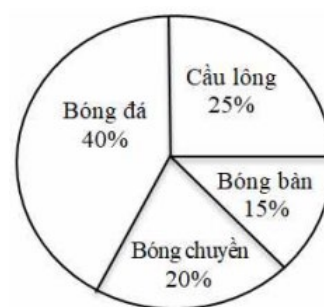
Câu 15. Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở một trường THCS. Hỏi số học sinh chọn môn Bóng bàn và Bóng chuyền chiếm bao nhiêu phần trăm?

A. 45%.

B. 55%.

C. 35%.

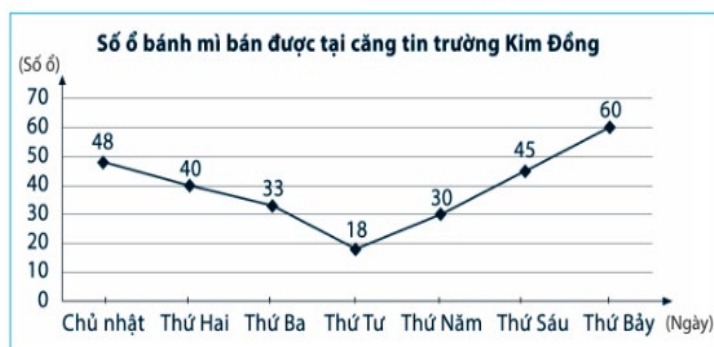
D. 40%.



Câu 16. Xem biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên. Hãy cho biết ngày nào số ổ bánh mì bán được nhiều nhất?

A. Chủ nhật.

B. Thứ tư.



C. Thứ sáu.

D. Thứ bảy.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{1}{6} - 0,3 \cdot \frac{5}{9} - (-2025)^0$;

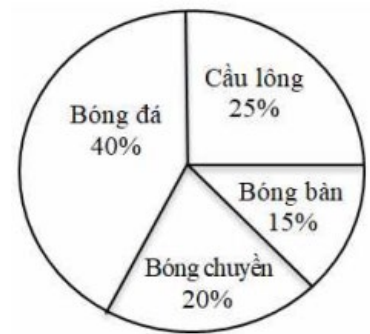
b) $\left| \frac{-1}{2} \right| + \left(\frac{-1}{3} \right)^2 : \sqrt{4} + \left(\frac{2}{3} \right)^2$.

Bài 2 (1,0 điểm). Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê sau đây:

Số con vật được nuôi tại trang trại B		
Loại con vật được nuôi	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Bò	173	48%
Lợn	144	40%
Gà	43	13%
Tổng	360	100%

Bài 3 (1,0 điểm).

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở một trường THCS.



a) Lập bảng thống kê về việc chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở trường THCS đó.

b) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê vừa lập được ở câu a) dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

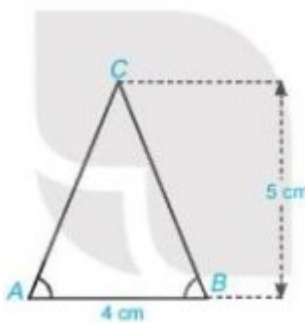
Bài 4 (2,0 điểm). Cho tam giác ABC cân tại A . Trên cạnh AB lấy điểm E , trên cạnh AC lấy điểm D sao cho $AD = AE$. Gọi M là giao điểm của BD và CE .

a) Cho biết $\widehat{ACB} = 50^\circ$. Hãy tính các góc còn lại của tam giác ABC .

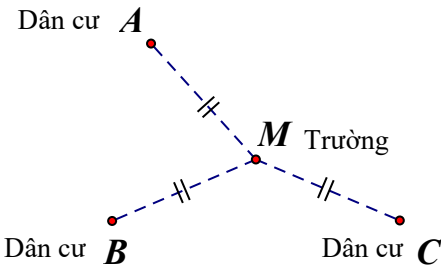
b) Chứng minh rằng $\triangle ABD = \triangle ACE$ và $MB = MC$.

Bài 5 (1,0 điểm).

a) Kiến trúc sư vẽ bản thiết kế ngôi nhà hình tam giác theo tỉ lệ 1:100. Biết rằng ngôi nhà cao 5m, bề ngang mặt sàn rộng 4m và hai mái nghiêng như nhau. Theo em, trên bản thiết kế làm thế nào để xác định được chính xác điểm C thể hiện đỉnh ngôi nhà?



b) Trên bản đồ quy hoạch của một khu dân cư có ba điểm dân cư A, B, C . Theo em làm thế nào để xác định chính xác điểm M để xây dựng trường học sao cho trường học này cách đều ba điểm dân cư đó?



----- HẾT -----

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỊ XÃ THÁI HÒA

Đề chính thức

(Đề đánh giá chất lượng gồm 04 trang)

ĐỀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Học kì I, năm học 2024 - 2025

Môn: Toán, lớp 7

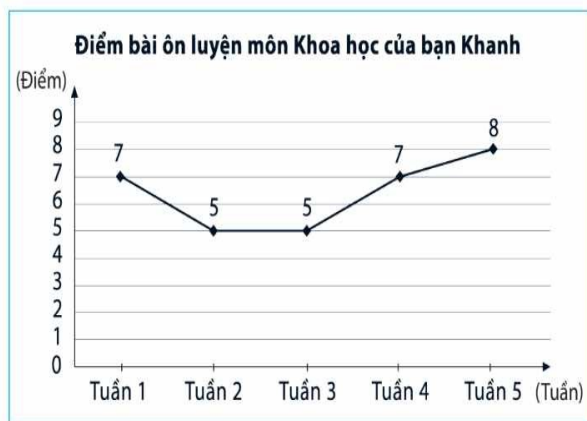
Thời gian làm bài: 90 phút;

Mã đề 102

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm). Trả lời câu hỏi bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước đáp án **đúng** vào bài làm:

Câu 1. Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn điểm bài ôn luyện môn Khoa học tự nhiên của bạn An qua các tuần 1, tuần 2, tuần 3, tuần 4, tuần 5. Hãy cho biết điểm 7 bạn An đạt được vào tuần nào?

- A. Tuần 1 và tuần 2.
B. Tuần 1 và tuần 4.
C. Tuần 2 và tuần 4.
D. Tuần 2 và tuần 5.



Câu 2. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta số hữu tỉ?

- A. $\frac{-3}{5}$. B. $-\frac{3}{1,6}$. C. $\frac{5}{0}$. D. $\frac{1,5}{2}$.

Câu 3. Cho $\triangle ABC$ vuông tại A . Khẳng định nào dưới đây **sai**?

- A. $\hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$. B. $\hat{B} + \hat{C} < 90^\circ$. C. $\hat{B} + \hat{C} = \hat{A}$. D. $\hat{A} = 90^\circ$.

Câu 4. Cho đoạn thẳng MN , đường thẳng d là trung trực của MN thì:

- A. d vuông góc MN . B. d đi qua trung điểm MN và $d \perp MN$.
C. d cắt đường thẳng MN . D. d đi qua trung điểm của MN .

Câu 5. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-3}{5}$ là

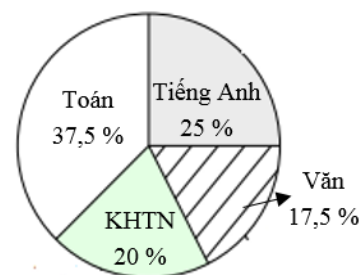
- A. $\frac{3}{-5}$. B. $\frac{5}{-3}$. C. $\frac{5}{3}$. D. $\frac{3}{5}$.

Câu 6. Nếu M thuộc đường trung trực của đoạn thẳng EF thì:

- A. $ME = MF$. B. $ME = EF$. C. $MF = EF$. D. $ME = \frac{1}{2}EF$.

Câu 7. Biểu đồ dưới đây thể hiện tỉ lệ các bạn học sinh khối 7 lựa chọn các môn học yêu thích. Em hãy cho biết môn học nào được các bạn học sinh lựa chọn nhiều nhất?

- A. Tiếng Anh. B. Toán.
C. Văn. D. Khoa học tự nhiên.



Câu 8. Cách viết nào sau đây là đúng

A. $|-0,25| = -0,25$.

B. $-|-0,25| = -(-0,25)$.

C. $-|-0,25| = 0,25$.

D. $|-0,25| = 0,25$.

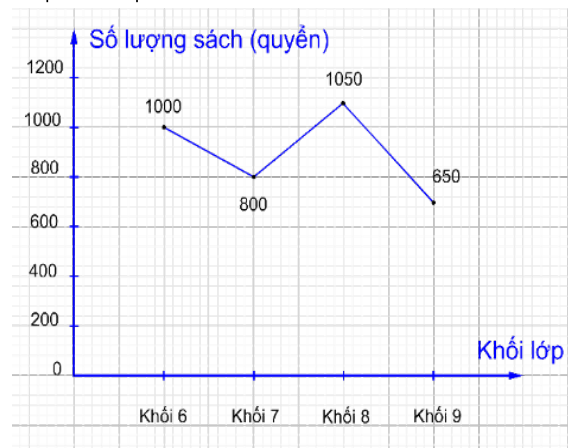
Câu 9. Biểu đồ bên cho biết số lượng các quyển sách mà các khối lớp đã quyên góp cho tủ sách của một trường học THCS. Các khối lớp có số sách quyên góp không quá 1000 quyển là?

A. Khối 6; khối 7 và khối 9.

B. Khối 6 và khối 8.

C. Khối 8 và khối 9.

D. Khối 7 và khối 8.



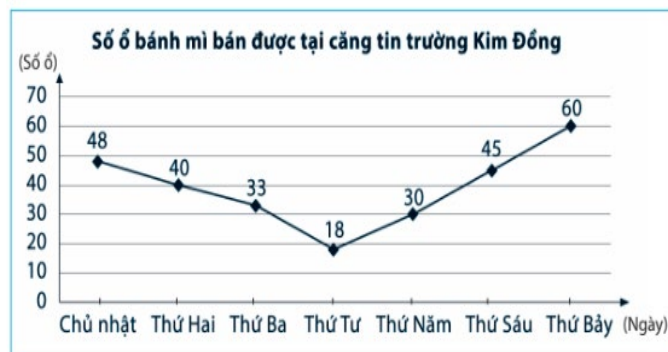
Câu 10. Xem biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên. Hãy cho biết ngày nào số ổ bánh mì bán được nhiều nhất?

A. Thứ bảy.

B. Thứ sáu.

C. Thứ tư.

D. Chủ nhật.



Câu 11. $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$ có: $\hat{A} = \hat{E}$; $\hat{B} = \hat{F}$; $\hat{C} = \hat{D}$; $AB = EF$; $BC = FD$; $AC = ED$. Khi đó ta có:

A. $\triangle ABC = \triangle DEF$. B. $\triangle ABC = \triangle FDE$. C. $\triangle ABC = \triangle DFE$. D. $\triangle ABC = \triangle EFD$.

Câu 12. Cho $\triangle MNP$ và $\triangle HIK$ có $MN = HI$, $PM = HK$. Cần thêm điều kiện gì để $\triangle MNP = \triangle HIK$ theo trường hợp cạnh - cạnh - cạnh?

A. $NP = HI$.

B. $NP = KI$.

C. $MN = HK$.

D. $MP = IK$.

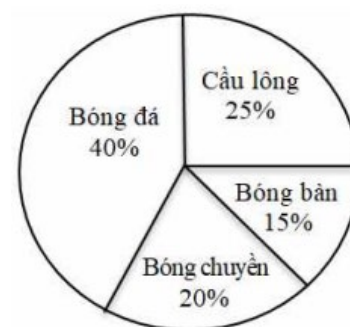
Câu 13. Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở một trường THCS. Hỏi số học sinh chọn môn Bóng bàn và Bóng chuyền chiếm bao nhiêu phần trăm?

A. 55%.

B. 45%.

C. 35%.

D. 40%.



Câu 14. Cho tam giác MNP có $MN = MP$ và $\widehat{NMP} = 70^\circ$. Số đo $\widehat{MPN}$ bằng

A. 110° .

B. 70° .

C. 140° .

D. 55° .

Câu 15. Trong biểu đồ hình quạt tròn, tổng các tỉ lệ phần trăm của các loại phải đúng bằng?

A. 100%.

B. 300%.

C. 50%.

D. 200%.

Câu 16. Tập hợp các số vô tỉ được kí hiệu là

A. $\mathbb{Z}$.

B. $\mathbb{R}$.

C. $\mathbb{R}$.

D. I .

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{1}{6} - 0,3 \cdot \frac{5}{9} - (-2025)^0$;

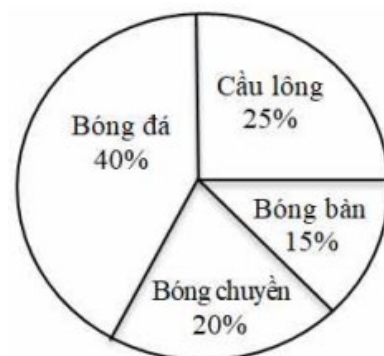
b) $\left| \frac{-1}{2} \right| + \left(\frac{-1}{3} \right)^2 : \sqrt{4} + \left(\frac{2}{3} \right)^2$.

Bài 2 (1,0 điểm). Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê sau đây:

Số con vật được nuôi tại trang trại B		
Loại con vật được nuôi	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
Bò	173	48%
Lợn	144	40%
Gà	43	13%
Tổng	360	100%

Bài 3 (1,0 điểm).

Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở một trường THCS.



a) Lập bảng thống kê về việc chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở trường THCS đó.

b) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê vừa lập được ở câu a) dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

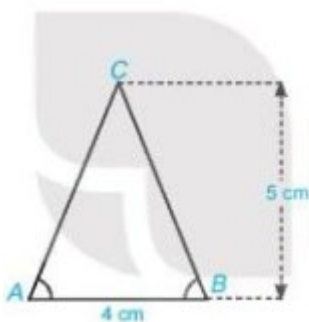
Bài 4 (2,0 điểm). Cho tam giác ABC cân tại A . Trên cạnh AB lấy điểm E , trên cạnh AC lấy điểm D sao cho $AD = AE$. Gọi M là giao điểm của BD và CE .

a) Cho biết $\widehat{ACB} = 50^\circ$. Hãy tính các góc còn lại của tam giác ABC .

b) Chứng minh rằng $\triangle ABD = \triangle ACE$ và $MB = MC$.

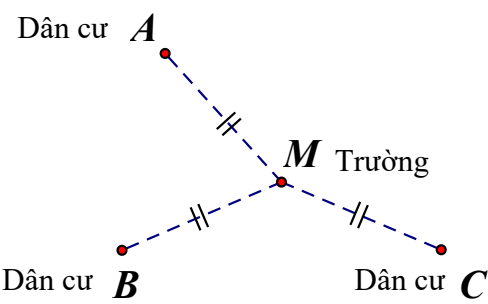
Bài 5 (1,0 điểm).

a) Kiến trúc sư vẽ bản thiết kế ngôi nhà hình tam giác theo tỉ lệ 1:100. Biết rằng ngôi nhà cao 5m, bề ngang mặt sàn rộng 4m và hai mái nghiêng như nhau.



Theo em, trên bản thiết kế làm thế nào để xác định được chính xác điểm C thể hiện đỉnh ngôi nhà?

b) Trên bản đồ quy hoạch của một khu dân cư có ba điểm dân cư A, B, C . Theo em làm thế nào để xác định chính xác điểm M để xây dựng trường học sao cho trường học này cách đều ba điểm dân cư đó?



----- HẾT -----

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

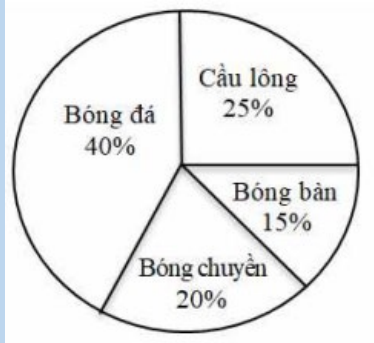
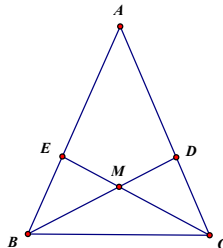
(Đáp án này có 04 trang)

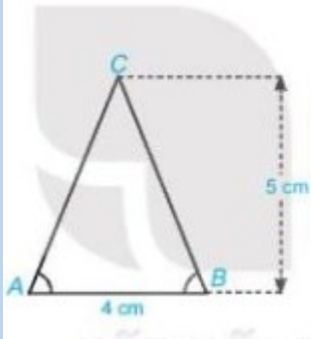
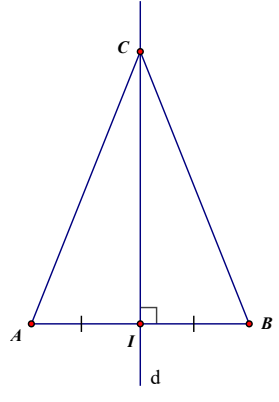
I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

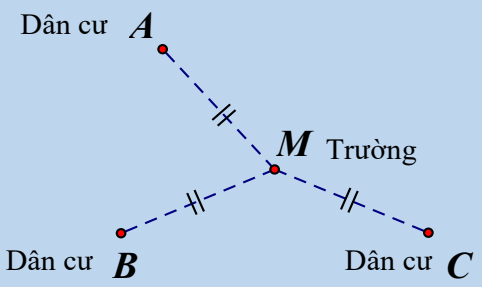
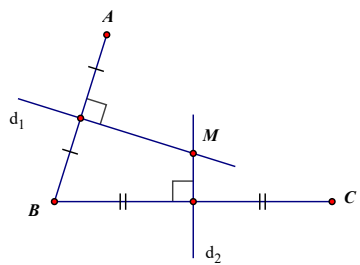
Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
101	B	B	D	D	B	C	A	D	B	B	B	A	B	B	C	D
102	B	A	B	B	D	A	B	D	A	A	D	B	C	D	A	D
103	A	C	C	D	C	A	D	A	B	C	D	A	A	B	A	D
104	B	A	C	D	B	D	B	B	C	C	B	A	C	C	A	C
105	A	D	B	D	B	A	D	B	C	B	A	D	B	D	D	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài	ý	Nội dung	Điểm																	
Bài 1 (1,0 điểm)	a)	Thực hiện phép tính $1\frac{1}{6}-0,3\cdot\frac{5}{9}-(-2025)^0$	0,5																	
		$1\frac{1}{6}-0,3\cdot\frac{5}{9}-(-2025)^0=\frac{7}{6}-\frac{3}{10}\cdot\frac{5}{9}-1$	0,25																	
		$=\frac{7}{6}-\frac{1}{6}-1=0$	0,25																	
	b)	Thực hiện phép tính $\left \frac{-1}{2}\right +\left(\frac{-1}{3}\right)^2:\sqrt{4}+\left(\frac{2}{3}\right)^2$	0,5																	
		$\left \frac{-1}{2}\right +\left(\frac{-1}{3}\right)^2:\sqrt{4}+\left(\frac{2}{3}\right)^2=\frac{1}{2}+\frac{1}{9}:2+\frac{4}{9}$	0,25																	
		$=\frac{1}{2}+\frac{1}{18}+\frac{4}{9}=\frac{9}{18}+\frac{1}{18}+\frac{8}{18}=\frac{18}{18}=1$	0,25																	
Bài 2 (1,0 điểm)		Xét tính hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê sau đây:	1,0																	
	<table><tr><th colspan="3">Số con vật được nuôi tại trang trại B</th></tr><tr><th>Loại con vật được nuôi</th><th>Số lượng</th><th>Tỉ lệ phần trăm</th></tr><tr><td>Bò</td><td>173</td><td>48%</td></tr><tr><td>Lợn</td><td>144</td><td>40%</td></tr><tr><td>Gà</td><td>43</td><td>13%</td></tr><tr><td>Tổng</td><td>360</td><td>100%</td></tr></table>			Số con vật được nuôi tại trang trại B			Loại con vật được nuôi	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm	Bò	173	48%	Lợn	144	40%	Gà	43	13%	Tổng	360
Số con vật được nuôi tại trang trại B																				
Loại con vật được nuôi	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm																		
Bò	173	48%																		
Lợn	144	40%																		
Gà	43	13%																		
Tổng	360	100%																		

		Tổng số lượng các loại vật nuôi là: $173 + 144 + 43 = 360$, do đó dữ liệu này là hợp lí.	0,5										
		Tổng tỉ lệ phần trăm các loại vật nuôi là: $48\% + 40\% + 13\% = 101\% \neq 100\%$, do đó dữ liệu này là không hợp lí.	0,5										
Bài 3 (1,0 điểm)	a)	Bài 3. Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm) chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở một trường THCS. 	0,5										
		a) Lập bảng thống kê về việc chọn môn thể thao ưa thích nhất trong bốn môn: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền của học sinh khối 7 ở trường THCS đó.											
		<table><tr><td>Môn thể thao</td><td>Bóng đá</td><td>Bóng bàn</td><td>Cầu lông</td><td>Bóng chuyền</td></tr><tr><td>Tỉ lệ lựa chọn</td><td>40%</td><td>15%</td><td>25%</td><td>20%</td></tr></table>	Môn thể thao	Bóng đá	Bóng bàn	Cầu lông	Bóng chuyền	Tỉ lệ lựa chọn	40%	15%	25%	20%	0,5
	Môn thể thao	Bóng đá	Bóng bàn	Cầu lông	Bóng chuyền								
	Tỉ lệ lựa chọn	40%	15%	25%	20%								
2)	b) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê vừa lập được ở câu a) dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.	0,5											
	Dữ liệu theo tiêu chí định tính: Môn thể thao	0,25											
	Dữ liệu theo tiêu chí định lượng: Tỉ lệ lựa chọn	0,25											
Bài 4 (2,0 điểm)	a)	Bài 4. Cho tam giác ABC cân tại A . Trên cạnh AB lấy điểm E , trên cạnh AC lấy điểm D sao cho $AD = AE$. Gọi M là giao điểm của BD và CE . a) Cho biết $\widehat{ACB} = 50^\circ$. Hãy tính các góc còn lại của tam giác ABC .	1,0										
		Tam giác ABC cân tại A nên $\widehat{ABC} = \widehat{ACB} = 50^\circ$.	0,5										
		Xét $\triangle ABC$ có $\widehat{A} + \widehat{ABC} + \widehat{ACB} = 180^\circ \Rightarrow \widehat{A} = 180^\circ - (\widehat{ABC} + \widehat{ACB})$	0,25										
		$= 180^\circ - (50^\circ + 50^\circ) = 80^\circ$	0,25										
		b) Chứng minh rằng $\triangle ABD = \triangle ACE$ và $MB = MC$.	1,0										
	b)	Vẽ hình đúng 	0,25										

		Xét $\triangle ABD$ và $\triangle ACE$ có: $AD = AE$ (gt); $\widehat{A}$ là góc chung;	0,25
		$AB = AC$ (do $\triangle ABC$ cân tại A). Do đó $\triangle ABD = \triangle ACE$ (c.g.c).	0,25
		Vì $\triangle ABD = \triangle ACE$ nên $\widehat{ACE} = \widehat{ABD}$ (hai góc tương ứng) Mặt khác: $\triangle ABC$ cân tại A nên $\widehat{ACB} = \widehat{ABC}$. Từ đó suy ra $\widehat{ACB} - \widehat{ACE} = \widehat{ABC} - \widehat{ABD}$ hay $\widehat{BCE} = \widehat{CBD}$ nên $\triangle MBC$ cân tại M . Suy ra $MB = MC$.	0,25
Bài 5 (1,0 điểm)	a)	  a) Kiến trúc sư vẽ bản thiết kế ngôi nhà hình tam giác theo tỉ lệ 1:100. Biết rằng ngôi nhà cao 5 m, bề ngang mặt sàn rộng 4 m và hai mái nghiêng như nhau. Theo em, trên bản thiết kế làm thế nào để xác định được chính xác điểm C thể hiện đỉnh ngôi nhà?	0,5
		 Vì hai mái nghiêng như nhau nên $\widehat{CBA} = \widehat{CAB}$ suy ra $\triangle CAB$ cân tại C, vì thế $CA = CB$. Suy ra C nằm trên đường trung trực của cạnh AB.	0,25
		Vì Kiến trúc sư vẽ bản thiết kế ngôi nhà hình tam giác theo tỉ lệ 1:100 nên ta suy ra cách xác định vị trí của điểm C trên bản thiết kế như sau: - Vẽ điểm I thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AI = 2$ cm. - Qua I vẽ đường thẳng d vuông góc với đoạn thẳng AB. Vẽ điểm C trên đường thẳng d sao cho $IC = 5$ cm.	0,25

	b) Trên bản đồ quy hoạch của một khu dân cư có ba điểm dân cư A, B, C. Theo em làm thế nào để xác định chính xác điểm M để xây dựng trường học sao cho trường học này cách đều ba điểm dân cư đó? 	0,5
	Vì M cách đều A, B, C nên $MA = MB = MC$. Từ $MA = MB$ suy ra M thuộc đường trung trực của đoạn thẳng AB.	0,25
	Từ $MC = MB$ suy ra M thuộc đường trung trực của đoạn thẳng BC. Từ đó suy ra M chính là giao điểm của hai đường trung trực của các đoạn thẳng AB và BC. Cách xác định chính xác điểm M trên bản đồ quy hoạch như sau: - Vẽ đoạn thẳng AB và đoạn thẳng BC. - Vẽ đường trung trực d_1 của đoạn thẳng AB và đường trung trực d_2 của đoạn thẳng BC. Vẽ M là giao điểm của hai đường thẳng d_1 và d_2. 	0,25
TỔNG ĐIỂM		6,0

Lưu ý khi chấm bài:

1) Nếu học sinh trình bày cách làm đúng khác thì cho điểm các phần theo thang điểm tương ứng.

2) Bài 4a) học sinh không cần vẽ hình.